TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Trâm và ông Lê Huỳnh Sinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Y - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 816/2023/TLVA-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Khu phố C, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Bá T1, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Khu phố C, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Võ Bá T1 chung sống với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, TP . - T năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng ở nhà riêng tại khu phố C, phường Đ, TP . - T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng đến 2014 phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hoà hợp, ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới vợ và cha mẹ vợ rất thường xuyên. Ông T1 ghen tuông vô cớ. Ông T1 đuổi mẹ con bà T ra khỏi nhà từ ngày 01/12/2023, bà T và con gái đã về nhà cha, mẹ ruột bà ở.

Nay, bà không còn tình cảm với ông T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Võ Thị Anh T2, sinh ngày 19/6/2014 và Võ Anh T3, sinh ngày 30/7/2016. Bà T xin được nuôi 02 con, bà yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng. Cho đến khi cháu T2 và cháu T3 đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 09/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Bá T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thúy T chung sống với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, TP . - T năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng ở nhà riêng tại khu phố C, phường Đ, TP . - T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không mâu thuẫn. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng có mâu thuẫn, lục đục. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn khó khăn, trong lúc nóng giận ông có chửi, xúc phạm vợ. Vợ chồng ông đã ly thân từ ngày 01/12/2023 đến nay.

Nay, bà T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông thì ông không đồng ý, lý do mâu thuẫn không lớn, ông vẫn còn tình cảm với vợ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên Võ Thị Anh T2, sinh ngày 19/6/2014 và Võ Anh T3, sinh ngày 30/7/2016. Nếu Toà án buộc giải quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi cháu T3. Ông đồng ý giao cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng. Ông và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với ông Võ Bá T1. Giao cho bà Nguyễn Thị Thúy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Anh T2, sinh ngày 19/6/2014. Giao cho ông Võ Bá T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Anh T3, sinh ngày 30/7/2016. Ông T1 và bà T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Võ Bá T1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"* theo khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở khu phố C, phường B, TP . - T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Võ Bá T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường B, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2012 ngày 26/7/2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tuy nhiên, sau khi kết hôn đời sống vợ chồng của bà T, ông T1 không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vã, do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống. Ông Võ Bá T1 cũng thừa nhận từ năm 2019 đến nay vợ chồng có mâu thuẫn, lục đục. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn khó khăn, trong lúc nóng giận ông có chửi, xúc phạm vợ. Vợ chồng ông đã ly thân từ 01/12/2023 đến nay. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Võ Thị Anh T2, sinh ngày 19/6/2014 và Võ Anh T3, sinh ngày 30/7/2016. Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T2 hiện nay đang ở với bà T, cháu T3 đang ở với ông T1. Ông T1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3. Bà T đang ở chung nhà với cha ruột và vợ chồng em trai, bà T làm công nhân may, mức thu nhập bình quân 7.300.000 đồng/ tháng; Ông T1 có nhà, rẫy do cha, mẹ cho hiện đang làm nông mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000đồng/tháng. Xét mức thu nhập và điều kiện kinh tế của ông T và bà T1 thì giao cho bà T và ông T1 mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế mỗi người. Do mỗi người được nuôi dưỡng một con chung nên không ai có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P - T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với ông Võ Bá T1.

2. Về con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giao cho bà Nguyễn Thị Thúy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Anh T2, sinh ngày 19/6/2014. Giao cho ông Võ Bá T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Anh T3, sinh ngày 30/7/2016.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T về việc yêu cầu ông Võ Bá T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 và bà T đều không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) Bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000643 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Thúy T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Bảo An, TP. PR-TC (GKH số 54/2012 ngày 26/7/2012);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng